

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2023/DS-PT

Ngày: 13-12-2023

V/v “ tranh chấp quyền về lối đi qua”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Thọ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng

Bà Trần Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 192/2023/TLPT-DS ngày 16/10/2023 về việc “*Tranh chấp quyền về lối đi*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2023/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 201/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Đào Văn N, sinh năm 1959 (có mặt).
2. Ông Hồ Văn Nh, sinh năm 1968 (Có mặt).
3. Anh Hồ Thanh Ng, sinh năm 1990.
4. Anh Hồ Văn V, sinh năm 1988.
5. Cụ Phan Văn L, sinh năm 1937.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cụ Phan Văn L: Ông Đào Văn N (Văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 01 năm 2023).

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã Hòa L, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Đào Văn N, anh Hồ Văn Nh: Luật sư Nguyễn Tấn Đạt, sinh năm 1983; địa chỉ Số 387, đường Phạm Thái Bường, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Phan Thanh T, sinh năm 1973 (Có mặt).

2. Cụ Phan Văn S, sinh năm 1937.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phan Thanh T: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ngọc, sinh năm 1975 (Văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 10 năm 2023 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã Hòa L, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cụ Phan Văn S: Anh Nguyễn Hoàng Đức, sinh năm 1981; địa chỉ Số 162A/10, đường Nguyễn Huệ, Phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

3. Cụ Nguyễn Thị V, sinh năm 1941 (chết ngày 19 tháng 01 năm 2023).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn cụ Nguyễn Thị V:

3.1. Cụ Phan Văn S, sinh năm 1937.

3.2. Bà Phan Thị Kim D, sinh năm 1962.

3.3. Ông Phan Thanh S, sinh năm 1970 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.4. Ông Phan Thanh T, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã Hòa L, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L.

3.5. Bà Phan Thị Ng, sinh năm 1965; địa chỉ : Ấp 3, xã Phú L, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L.

3.6. Bà Phan Thị Tuyết H, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp 1, xã Hòa Th, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L.

3.7. Bà Phan Thị Thanh M, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp An Hiệp, xã Long A, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L.

3.8. Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp Phú X, xã Phú Đ, huyện Tam N, tỉnh Đồng Th.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phan Ngọc T, sinh năm 1970.

2. Anh Phan Thành H, sinh năm 2002.

3. Anh Đào Phước L, sinh năm 1983.

4. Anh Đào Thành C, sinh năm 1987.

5. Anh Đào Thông M, sinh năm 1989.

6. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1988.
7. Chị Lưu Thị Hương Tr, sinh năm 1995.
8. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968.
9. Anh Hồ Văn Đ, sinh năm 1986.
10. Anh Hồ Minh Ng, sinh năm 2001.
11. Chị Nguyễn Khánh Ch, sinh năm 1986.
12. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng, sinh năm 1975.
13. Chị Phan Thị Thu H, sinh năm 1993.
14. Anh Phan Hữu T, sinh năm 2003.
15. Ông Bùi Văn M, sinh năm 1971.
16. Ông Trần Văn H, sinh năm 1956.
17. Bà Phan Thị Kim D, sinh năm 1962.
18. Chị Phan Thị T, sinh năm 1989.
19. Anh Phan Thanh T, sinh năm 1990.
20. Cháu Phan Thị Hoài Tr, sinh năm 2005.

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã Hòa L, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L.

- Người làm chứng:

1. Ông Bùi Thành Công, sinh năm 1976.
2. Ông Nguyễn Văn Đông, sinh năm 1954.
3. Ông Nguyễn Văn Tỏ, sinh năm 1951.
4. Ông Phan Văn Hóa, sinh năm 1967.
5. Bà Bùi Thị Bé, sinh năm 1954.
6. Ông Mai Công Quảng, sinh năm 1973.
7. Ông Bùi Thanh Hiếu, sinh năm 1975.
8. Ông Trần Văn Một, sinh năm 1949.
9. Cụ Phan Thị Bảy, sinh năm 1947.
10. Anh Trần Ngọc Đạm, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã Hòa L, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L.

11. Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1982; địa chỉ Ấp 8, xã Mỹ L, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L.

Người kháng cáo: Cụ Phan Văn L, ông Đào Văn N, ông Hồ Văn Nh, anh Hồ Văn V, anh Hồ Thanh Ng là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, các nguyên đơn ông Hồ Văn Nh, anh Hồ Thanh Ng, anh Hồ Văn V, ông Đào Văn N cụ Phan Văn L trình bày:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Hộ cụ Phan Văn L và cụ Nguyễn Thị Cúc (sinh năm 1940, chết ngày 17/5/2011) là chủ sử dụng thửa đất số 290, diện tích 2.024,4 m². Ông Đào Văn N và bà Đoàn Thị Lệ (sinh năm 1960, chết ngày 31/10/2012) là chủ sử dụng thửa đất số 285, diện tích 917,7 m². Ông Hồ Văn Nh là chủ sử dụng thửa đất số 431, diện tích 2.576,2 m², thửa đất số 277, diện tích 794,9 m². Anh Hồ Văn V là chủ sử dụng thửa đất số 432, diện tích 547,8 m². Anh Hồ Thanh Ng là chủ sử dụng thửa đất số 433, diện tích 685 m².

Theo tư liệu bản đồ địa chính chính quy dự án VLAP, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ: Ông Phan Thanh T và bà Nguyễn Thị Tuyết Ngọc là người quản lý sử dụng, đứng tên kê khai đăng ký thửa đất số 271 được hợp thửa từ các thửa đất cũ gồm thửa đất số 860, diện tích 3.560 m² đứng tên hộ cụ Phan Văn S, thửa đất số 859, diện tích 110 m² đứng tên cụ Nguyễn Thị Khéo (sinh năm 1931, chết ngày 23/7/2001), và một phần thửa đất số 852, diện tích 5.700 m² đứng tên ông Trần Văn Hạnh.

Các thửa đất số 277, 285, 290, 431, 432, 433 và 271 cùng tờ bản đồ số 18, địa chỉ Ấp 7, xã Hòa L, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L.

Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/10/2022, sơ đồ tham khảo kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2023: Thửa đất số 271-4 (thửa cũ số 860-2), diện tích 43 m², thửa đất số 271-3 (thửa cũ số 859-2), diện tích 46,5 m² là lối đi được các hộ dân sử dụng đi ra đường bờ trâu nay là đường nhựa. Trên thửa đất số 277, 431 của ông Nh có lối đi tự tạo lập, hướng Đông Nam nối vào đường đất nay là đường bê tông (đường đê bao Cái Ngang), hướng Tây Bắc nối vào lối đi tại thửa đất số 271-4 (thửa cũ số 860-2), thửa đất số 271-3 (thửa cũ số 859-2), và đường đất hiện trạng tại thửa đất số 270 (thửa cũ số 800). Lối đi tại thửa đất số 271-4 (thửa cũ số 860-2), thửa đất số 271-3 (thửa cũ số 859-2), lối đi tự tạo lập trên thửa đất số 277, 431 có trước năm 1975.

Tại Tờ tương phân ngày 10/11/1977, cổ Phan Văn Tài (cha cụ Lo, cụ S, cụ Phan Thị Bảy) chia đất thửa cũ số 860 cho cụ S 02 công, cụ Bảy 1,5 công. Khi cổ Tài chia đất có chừa lại lối đi tại thửa đất số 271-4 (thửa cũ số 860-2) bên phần đất chia cho cụ Bảy. Sau đó, cụ Bảy để lại 1,5 công đất cho cụ S. Năm 2003, hộ cụ S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất cũ số 860.

Năm 2008, 2009 lần lượt anh V, ông Nthuê ông Mai Công Quảng chở đất tổng cộng 75 lượt xe (anh V thuê chở 35 lượt xe, ông Nthuê chở 30 lượt xe) đổ bồi đắp lên lối đi tại thửa đất số 271-4 (thửa cũ số 860-2), thửa đất số 271-3 (thửa cũ số 859-2). Cụ S, cụ Nguyễn Thị V, ông T, bà Tuyết Ngọc, ông Bùi Văn Một (con cụ Khéo) biết nhưng không có ý kiến phản đối.

Năm 2013, anh Hồ Văn Đ(con ông Nh) nhận chuyển nhượng bằng giấy viết

tay của ông Một phần đất có diện tích 60 m² (ngang 02 mét, dài 30 mét) thuộc thửa đất số 270 (thửa cũ số 800), diện tích chung 735,7 m², giáp cận với thửa đất số 271-4 (thửa cũ số 860-2), thửa đất số 271-3 (thửa cũ số 859-2) nhằm mục đích mở rộng lối đi cho xe tải có thể lưu thông ra vào. Các nguyên đơn tiến hành đổ đất bồi đắp thửa đất số 271-4 (thửa cũ số 860-2), thửa đất số 271-3 (thửa cũ số 859-2), phần đất anh Đnhận chuyển nhượng, rải đá bụi trên phần đất anh Đnhận chuyển nhượng mở rộng lối đi. Cụ S, cụ Vĩnh, ông T, bà Tuyết Ngọc, ông Một biết nhưng không có ý kiến phản đối.

Năm 2018, anh V cải tạo đất, có nhờ xe cuốc mở lối đi ngang trên thửa đất số 431 của ông Nh để gia đình bà D sử dụng đi ra đường nhựa.

Tháng 11/2021, vợ chồng ông Txây dựng hàng rào không cho các nguyên đơn sử dụng lối đi tại thửa đất số 271-4 (thửa cũ số 860-2), thửa đất số 271-3 (thửa cũ số 859-2) dẫn đến tranh chấp.

Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc cụ S, ông T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của cụ V gồm cụ S, ông T, bà D, ông Phan Thanh S, bà Phan Thị Ng, bà Phan Thị Tuyết H, bà Phan Thị Thanh M, bà Phan Thị Thu H phải mở lối đi trên thửa đất số 271-3 (thửa cũ số 859-2), diện tích 46,5 m² và thửa đất số 271-4 (thửa cũ số 860-2), diện tích 43 m² theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/10/2022 cho anh Ngoan; anh V; gia đình cụ Lo, ông Phan Ngọc Tâm, anh Phan Thành Huy; gia đình ông Năm, anh Đào Phước Lợi, anh Đào Thành Công, anh Đào Thông Minh, chị Nguyễn Thị Diệu, chị Lưu Thị Hương Trinh; gia đình ông Nh, bà Nguyễn Thị Hồng, anh Đức, anh Hồ Minh Nghĩa, chị Nguyễn Khánh Châu được quyền sử dụng đi ra đường công cộng.

- Buộc ông T, bà Tuyết Ngọc phải tháo dỡ, di dời tài sản theo biên bản định giá tài sản ngày 15/6/2022 gồm hàng rào, cây trồng trên đất để khôi phục lại lối đi nêu trên; không đồng ý đền bù giá trị đất, bồi hoàn giá trị tài sản, hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời tài sản.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 3 năm 2022 và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, bị đơn cụ Phan Văn S, cụ Nguyễn Thị V trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 860 (thửa mới số 271- 4 + 271- 5) của vợ chồng cụ S, cụ V được cha mẹ cụ S cho năm 1980 là đất biên, nhiều nương, Vng, không có lối đi ra đường công cộng. Năm 1993, bằng lời nói cụ S, cụ V cho lại đất ông T, bà Tuyết Ngọc cùng quản lý sử dụng. Về mặt giấy tờ, cụ S, cụ V đứng tên kê khai đăng ký quyền sử dụng đất năm 2001, cụ S đại diện hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003.

Trong quá trình sử dụng: Ông T, bà Tuyết Ngọc cải tạo thửa đất số 860 lập vườn, cất nhà ở; nhận chuyển nhượng trọn diện tích thửa đất số 859 của ông Một, một phần diện tích thửa đất số 852 của ông Hạnh để tạo lập lối đi ra đường công cộng. Năm 2009 - 2010, ông T, bà Tuyết Ngọc đăng ký đo đạc, kê khai quyền sử dụng đất đang sử dụng số thửa mới 271 (thửa cũ số 860, 859, một phần thửa cũ số

852). Năm 2013, cụ S lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa số 860 cho ông T, bà Tuyết Ngọc được Ủy ban nhân dân xã Hòa Lộc chứng thực để hoàn tất thủ tục xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa mới số 271 nhưng chưa được cấp do vướng thủ tục chuyển quyền thửa đất số 859. Đến năm 2021, các nguyên đơn phát sinh tranh chấp.

Ý kiến của cụ S, cụ V(khi còn sống) không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nhà đất của nguyên đơn không bị vây bọc và đã có lối đi ra đường công cộng. Cụ S không đồng ý lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm cho rằng thửa đất số 271-4 (thửa cũ số 860-2) là đường đi do cổ Tài để lại; nhiều lần đổ đất bồi đắp trên thửa đất số 271-4 (thửa cũ số 860-2), thửa đất số 271-3 (thửa cũ số 859-2) là không có thật. Nay cụ S với tư cách là bị đơn, đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn cụ V đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Ngoài ra, cụ S không có ý kiến đề nghị hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 3 năm 2022, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Phan Thanh T đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn cụ Nguyễn Thị V trình bày:

Năm 1992, ông lập gia đình với bà Tuyết Ngọc. Năm 1993, bằng lời nói cụ S, cụ V tặng cho vợ chồng ông thửa đất số 860 là đất biên, có nhiều nương, Vng, không có lối đi, muốn đi ra lộ đất công cộng (đường bờ trâu nay là đường nhựa) phải đi nhờ qua đất nghĩa địa thuộc thửa đất số 859 của cụ Khéo (mẹ ruột ông Một) và thửa đất số 852 của ông Hạnh.

Năm 2000, ông Một bốc mộ người thân trên thửa đất số 859 được cụ Khéo cho. Nên vợ chồng ông nhận chuyển nhượng bằng giấy viết tay trọn diện tích thửa đất số 859 của ông Một với giá 3.000.000 đồng, nhận chuyển nhượng 10 m² thuộc thửa đất cũ số 852 của ông Hạnh với giá 2.000.000 đồng để sử dụng và tạo lập lối đi của gia đình để đi ra đường công cộng. Năm 2003, nhà nước cải tạo lộ đất làm đường nhựa, vợ chồng ông thuê anh Phạm Thanh Tâm bơm bùn sang lấp nương, Vng trên phần đất thửa số 860 để lập vườn, cất nhà ở. Năm 2005, vợ chồng ông tiếp tục xin đất cày thuê ông Quảng chở đất san lấp trên phần đất nhận chuyển nhượng của ông Một, ông Hạnh. Năm 2008, bà D được nhà nước hỗ trợ cất nhà nhưng không có đất, vợ chồng ông đồng ý cho bà D mượn một phần đất phía sau thuộc thửa số 860-1 (thửa mới 271-5) để cất nhà ở. Năm 2008, anh V thuê ông Quảng chở đất san lấp trên phần đất ông Nh chia cho. Năm 2009, ông N thuê ông Quảng chở đất san lấp phần đất của ông Năm. Hoàn toàn không có việc anh V, ông N đổ 75 xe đất bồi đắp lên thửa đất số 271-3 (thửa cũ số 859-2), thửa đất số 271-4 (thửa cũ số 860-2) của vợ chồng ông như ông Năm, anh V, ông Nh, anh Ngao trình bày tại phiên tòa sơ thẩm.

Năm 2009 - 2010, nhà nước thực hiện chủ trương cho người đang sử dụng đất đăng ký đo đạc, kê khai quyền sử dụng đất, xin cấp, cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo

tư liệu đo đạc bản đồ địa chính chính quy dự án VLAP. Vợ chồng ông đăng ký đo đạc hợp thửa phần đất được cụ S, cụ V cho với phần đất nhận chuyển nhượng của ông Một, ông Hạnh thành thửa đất mới số 271. Giáp cận với thửa đất số 271 là thửa đất số 270 của ông Một, giữa 02 thửa đất phân định bằng hàng rào tạm bằng lưới nhựa do vợ chồng ông dựng lên.

Trong năm 2013: Cụ S cùng vợ chồng ông đi đến Ủy ban nhân dân xã Hòa Lộc xác lập hợp đồng tặng cho thửa đất số 860, ông Một đưa giấy tờ thửa đất số 859 cho vợ chồng ông, để hoàn tất thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Nhưng do vướng thủ tục chuyển quyền thửa đất số 859, vì các anh em ông Một ở xa không về ký tên. Nên thửa đất số 271 vợ chồng ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Anh Đnhận chuyển nhượng bằng giấy viết tay phần đất có diện tích 60 m² (ngang 02 mét, dài 30 mét) tại thửa số 270 của ông Một để tạo lập lối đi nối vào lối đi trên thửa đất số 431 của ông Nh đi thẳng ra đường nhựa. Sau đó, các nguyên đơn tiến hành đổ đất bồi đắp, rải đá trên phần đất anh Đnhận chuyển nhượng, rải đá, lót dal trên phần đất thửa số 431, 277 của ông Nh để tạo lập lối đi thông suốt hai đầu, hướng Đông Nam nối vào đường đất nay là đường bê tông (đường đê bao Cái Ngang), hướng Tây Bắc nối vào đường nhựa đúng như kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2023 của Tòa án.

Năm 2018, bà D được nhà nước cất lại nhà kiên cố tại vị trí đất vợ chồng ông cho mượn. Mặc dù, vợ chồng ông không cản trở gia đình bà D sử dụng lối đi trên đất của vợ chồng ông. Nhưng không rõ vì sao, bà D tự mở lối đi ngang trên thửa đất 271- 5 (thửa cũ số 860-1) phía trước nhà bà D nối vào lối đi ngang trên thửa đất số 431 do anh V nhờ xe cuốc tạo ra nối tiếp vào lối đi trên thửa đất số 431, 277 nêu trên để đi ra đường công cộng.

Tháng 11/2021, sau khi vợ chồng ông xây dựng xong căn nhà kiên cố, thấy gà, vịt nuôi hay bị mất trộm nên vợ chồng ông thuê ông Một phụ tháo dỡ rào tạm, cấm trụ bê tông, kéo lưới B40 xây dựng hàng rào kiên cố, đồng thời ông Một cũng tiến hành cấm trụ bê tông, kéo lưới B40 dựng hàng rào trên phần đất thửa 270 còn lại để phân phần đất lối đi anh Đnhận chuyển nhượng thuộc thửa đất số 270 của ông Một. Khi cấm trụ xây dựng hàng rào, giữa ông và ông Nh xảy ra tranh chấp ranh theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/10/2022 là trụ “số 10”; sau đó ông và ông Nh không còn tranh chấp, các nguyên đơn chuyển sang tranh chấp yêu cầu mở lối đi. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D đứng về phía nguyên đơn.

Nay ông có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và ý kiến đề nghị của bà D, vì nhà đất của các nguyên đơn không bị vây bọc, đã có lối đi ra đường công cộng; nhà đất của bà D có nhiều lối đi ra đường công cộng, vợ chồng ông không cản trở việc đi lại. Ngoài ra, ông không có ý kiến yêu cầu hoặc đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại các bản tự khai ngày 30 tháng 01 năm 2023 của ông Phan Thanh S, bà Phan Thị Tuyết H, bà Phan Thị Tuyết Mai, bà Phan Thị Thu H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn cụ Nguyễn Thị V trình bày:

Thông nhất ý kiến trình bày của cụ S, ông T, cụ V(khi còn sống) có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Ngoài ra, các ông bà không có ý kiến đề nghị hoặc yêu cầu Tòa án vấn đề gì khác trong vụ án. Bà Hoa, bà Mai, bà Thu Hồng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 01 năm 2023 bà Phan Thị Kim D là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn cụ Nguyễn Thị V, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Thông nhất lời trình bày của các nguyên đơn, bị đơn về việc bà thuộc diện được nhà nước hỗ trợ cất nhà, do không có đất nên trước đây vợ chồng ông T có cho bà một phần đất phía sau để cất nhà ở. Năm 2018, bà được nhà nước hỗ trợ cất nhà kiên cố. Mặc dù, vợ chồng ông T không ngăn cản việc gia đình bà sử dụng lối đi nhờ thẳng ra đường công cộng, nhưng bà Tuyết Ngọc có lời lẽ không hay. Vì vậy, trong lúc cải tạo đất anh V có nhờ xe cuốc mở thêm lối đi ngang trên thửa đất của ông Nh để gia đình bà sử dụng đi ra đường công cộng cho đến nay. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc ông T, bà Tuyết Ngọc khôi phục lại lối đi do có Tài để lại để các nguyên đơn mở rộng lối đi chung tạo thuận lợi cho bà và các thành viên trong gia đình gồm chị Phan Thị Tươi, anh Phan Thanh Tuấn, cháu Phan Thị Hoài Trang sử dụng đi ra đường công cộng. Ngoài ra, bà không có ý kiến đề nghị hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác trong vụ án.

Tại các bản tự khai ngày 02 tháng 01 năm 2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Ngọc Tâm, anh Phan Thành Huy, anh Đào Phước Lợi, anh Đào Thành Công, anh Đào Thông Minh, chị Nguyễn Thị Diệu, chị Lưu Thị Hương Trinh, bà Nguyễn Thị Hồng, anh Hồ Văn Đức, anh Hồ Minh Nghĩa, chị Nguyễn Khánh Châu trình bày: Thông nhất ý kiến của các nguyên đơn.

Tại các bản tự khai ngày 18 tháng 3 năm 2021, bản khai ý kiến ngày 02 tháng 12 năm 2022 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết Ngọc, anh Phan Hữu Tính, chị Phan Thị Thu Hương và trong quá trình xét xử bà Tuyết Ngọc, anh Tính trình bày: Thông nhất lời trình bày và ý kiến đề nghị của cụ S, ông T, ông Sơn, bà Hoa, bà Mai, bà Hồng; không đồng ý lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Ngoài ra, các đương sự không có ý kiến đề nghị hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại các đơn xin xác nhận ngày 13 tháng 12 năm 2022, biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 3 năm 2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Hạnh, ông Bùi Văn Một trình bày:

Năm 2000, nhà nước làm lộ nhựa, do đất của ông T nằm phía trong không đi

ra lộ công cộng được. Nên ông Hạnh đồng ý chuyển nhượng bằng giấy viết tay phần đất diện tích 10 m² tại thửa đất số 852 (thửa mới số 271-1) cho ông Tvới giá 2.000.000 đồng, ông Một đồng ý chuyển nhượng bằng giấy viết tay phần đất diện tích 110 m² tại thửa đất số 859 (thửa mới số 271-2 + 271-3) cho ông Tđể có lối đi ra lộ nhựa. Ông Hạnh, ông Một thống nhất phần đất chuyển nhượng ông Tđã kê khai đứng tên thuộc quyền sử dụng đất của ông T, không tranh chấp hoặc đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề gì trong vụ án.

Ngoài ra, ông Một còn trình bày: Năm 2003, ông cùng ông Tthuê máy bơm đất bùn và đổ đất cày. Ông Tbồi đắp phần đất tại khu vực nhà và phần đất giáp với đất của ông. Sau khi hoàn tất, hai bên thỏa thuận cắm ranh bằng các trụ đá, làm hàng rào tạm bằng lưới nhựa. Năm 2013, ông chuyển nhượng cho anh Đbằng giấy viết tay phần diện tích 60 m² (ngang 02 mét, dài 30 mét) tại thửa đất số 270 (thửa cũ số 800) cặp ranh với thửa đất cũ số 859, 860 để tạo lập lối đi. Ông thống nhất phần đất chuyển nhượng thuộc quyền sử dụng đất của anh Đức, đồng ý tách thửa cho anh Đđể tạo lập lối đi nếu có nhu cầu, không tranh chấp hoặc đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề gì trong vụ án.

Tại các đơn xin xác nhận ngày 28 tháng 02 năm 2022, ngày 13 tháng 12 năm 2022, giấy xin xác nhận ngày 15 tháng 12 năm 2022, biên bản hòa giải ngày 06 tháng 01 năm 2023, biên bản xác minh ngày 27 tháng 3 năm 2023, người làm chứng anh Phạm Thanh Tâm, ông Mai Công Quảng, ông Bùi Thanh Hiếu, bà Bùi Thị Bé, ông Phan Văn Hóa (con cụ Lo), ông Nguyễn Văn Tỏ, ông Nguyễn Văn Đông, ông Trần Văn Một, anh Trần Ngọc Đạm (con ông Trần Văn Hạnh), ông Bùi Thành Công (em ông Bùi Văn Một), cụ Phan Thị Bảy:

- Anh Tâm, ông Quảng, ông Hiếu trình bày: Năm 2003, anh Tâm có bơm bùn thuê lên đất cho ông Tđể cải tạo đất canh tác trồng cây, lúc chưa bơm bùn là nương, Vng. Năm 2005, ông Quảng có chở đất cày thuê đổ lên đất cho ông Tđể cải tạo đất canh tác trồng cây, đổ đất vị trí cặp nhà ông T, cặp ranh với đất ông Một. Đầu năm 2022, ông Hiếu có chở đất cày thuê đổ lên đất cho ông Tvị trí cặp ranh với đất ông Một.

Ngoài ra, tại đơn xin xác nhận ngày 28/02/2022 của ông Nh, ông Ntrình bày năm 2008 ông Nh thuê ông Quảng chở 35 xe đất, năm 2009 ông Nthuê ông Quảng chở 30 xe đất đổ lên phần đường đi, được ông Quảng xác nhận với nội dung: “Tôi tên: Mai Công Quảng là chủ xe cuốc và cải tiến ấp 7 - xã Hòa Lộc có đồ đất số lượng và thời gian nêu như trong đơn là đúng sự thật” nhưng không xác nhận rõ vị trí đồ đất thuộc thửa đất nào, của ai.

- Bà Bé, ông Hóa, ông Tỏ, ông Đông trình bày: Các ông bà là hàng xóm của ông T. Trước đây tại vị trí căn nhà của ông Tcó nhiều nương, Vng, không có đường đi ra lộ nhựa. Ông Tnhiều lần bơm đất bùn, đổ đất cày để bồi đắp trồng cây và nhận chuyển nhượng một phần đất của ông Một, ông Hạnh để tạo lập lối đi ra lộ nhựa.

- Ông Một trình bày: Lối đi đang tranh chấp là đất của cổ Tài không phải

đất công cộng, lúc ông 11 tuổi thấy người dân dùng lối đi này dẫn trâu ra ruộng.

- Anh Đạm trình bày: Lối đi đang tranh chấp có từ xưa, cha anh là ông Hạnh chuyển nhượng gốc chéo tức thửa đất số 271-1, về thửa đất số 270 ông Một chuyển nhượng một phần cho anh Đthì mới có lối đi ra lộ.

- Ông Công trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông Một, không có ý kiến gì khác, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Cụ Bảy trình bày: Năm 1977, khi cố Tài chia đất cho cụ và cụ S tại thửa đất số 860 thì có chừa lại lối đi trên phần đất cụ được chia để đi ra đường bờ trâu nay là đường nhựa. Sau đó, thấy cụ S đông con nên cụ để lại đất được chia cho cụ S. Cụ khẳng định các thửa đất nguyên đơn yêu cầu mở lối đi là đường đi tồn tại trước năm 1975 do cố Tài để lại, nhưng không lý giải được vì sao có thửa đất của cụ Khéo, trong khi cụ thừa nhận giữa cố Tài và cụ Khéo không có quan hệ bà con.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn về việc yêu cầu phía bị đơn mở lối đi ra lộ công cộng như kết quả đo đạc và phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất; Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 14/8/2023 và 15/8/2023 các nguyên đơn đồng kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và giữ nguyên ý kiến.

Luật sư bảo vệ nguyên đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo; trợ giúp viên pháp lý bảo vệ bị đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tuân thủ đúng pháp luật

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm; Xử lý án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn còn trong hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đương sự có đơn vắng mặt hoặc đã ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của các nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận; bởi vì các thửa đất phía nguyên đơn sử dụng nêu trên không bị vây bọc bởi các bất

động sản khác mà tiếp giáp với đường bê tông công cộng như lời nguyên đơn thừa nhận phù hợp với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/3/2023 của toà án và trích đo bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Bình thực hiện ngày 13/10/2022. Phần đất mà nguyên đơn yêu cầu mở lối đi qua đất bị đơn không phải là lối đi tồn tại lâu đời và có nhiều tài sản trên đất của bị đơn nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, đại diện viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo là đúng quy định tại Điều 254 của Bộ luật dân sự và Điều 171 của Luật đất đai.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn anh Nhơn, anh Ngoan, anh V phải chịu án phí; Cụ Lo, ông N là người cao tuổi nên được miễn.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Cụ Phan Văn L, ông Đào Văn N, anh Hồ Văn Nh, anh Hồ Văn V, anh Hồ Thanh Ng

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 171 Luật Đất đai năm 2013; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Phan Văn L, ông Đào Văn N, ông Hồ Văn Nh, anh Hồ Thanh Ng, anh Hồ Văn V, đề nghị của bà Phan Thị Kim D về việc:

+ Yêu cầu cụ Phan Văn S, ông Phan Thanh T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị V gồm cụ Phan Văn S, ông Phan Thanh T, bà Phan Thị Kim D, ông Phan Thanh S, bà Phan Thị Ng, bà Phan Thị Tuyết H, bà Phan Thị Thanh M, bà Phan Thị Thu H phải mở lối đi trên thửa đất số 271-3 (thửa cũ số 859-2), diện tích 46,5 m² nằm trong chu vi các mốc 1, 2, 3, 12, 11, 1 và thửa đất số 271-4 (thửa cũ số 860-2), diện tích 43 m² nằm trong chu vi các mốc 9, 10, 11, 12, 9, cùng tờ bản đồ số 18 (tờ bản đồ cũ số 4), loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ Ấp 7, xã Hòa Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long cho anh Hồ Thanh Ng, anh Hồ Văn V, gia đình cụ Phan Văn L, ông Phan Ngọc Tâm, anh

Phan Thành Huy, gia đình ông Đào Văn N, anh Đào Phước Lợi, anh Đào Thành Công, anh Đào Thông Minh, chị Nguyễn Thị Diệu, chị Lưu Thị Hương Trinh, gia đình ông Hồ Văn Nh, bà Nguyễn Thị Hồng, anh Hồ Văn Đức, anh Hồ Minh Nghĩa, chị Nguyễn Khánh Châu, gia đình bà Phan Thị Kim D, chị Phan Thị Tươi, anh Phan Thanh Tuấn, cháu Phan Thị Hoài Trang được quyền sử dụng đi ra đường nhựa công cộng.

+ Yêu cầu ông Phan Thanh T, bà Nguyễn Thị Tuyết Ngọc phải tháo dỡ, di dời tài sản trên các thửa đất nêu trên gồm hàng rào lưới B40, trụ đá chôn chân, diện tích 41,9 m²; 01 (Một) cây bưởi từ 05 (Năm) đến 25 (Hai mươi lăm) năm tuổi, 03 (Ba) cây xoài từ 05 (Năm) đến 25 (Hai mươi lăm) năm tuổi, 01 (Một) cây bông trang 10 (Mười) năm tuổi, 25 (Hai mươi lăm) cây bông trang 03 (Ba) năm tuổi, 08 (Tám) cây mai để khôi phục lại lối đi.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nh, anh Ngoan, anh V mỗi người phải nộp án phí số tiền là 300.000 đồng được khấu trừ xong vào số tiền đã nộp theo các biên lai thu số 0011697, 0011698, 0011699 ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

Miễn án phí cho cụ Phan Văn L, Đào Văn N.

3. Những nội dung quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Cấp cao;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Vĩnh Long;
- Tòa án ND huyện Tam Bình;
- Chi cục thi hành án DS huyện Tam Bình;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trường Thọ